

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án tái định cư chi tiết (Đợt 02)
Tái định cư cho các hộ gia đình bị thu hồi đất ở để giải phóng mặt bằng
thực hiện dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư
và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân,
xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 01/7/2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019 của Chính phủ về sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định Quy định hạn mức đất ở trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định 646/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 4926/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (Đợt 3) Dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 3933/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (Đợt 4) Dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (Đợt 7) Dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 1871/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất cụ thể và giá đất ở theo giá thị trường để tính thu tiền sử dụng đất đối với các hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất cụ thể và giá đất ở theo giá thị trường để tính thu tiền sử dụng đất đối với các hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Văn bản số 2037/UBND-KT ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Diêm Vân và Khu tái định cư Quảng Vân để thực hiện giao đất tái định cư;

Theo đề nghị của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, TĐC và GPMB Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân tại Tờ trình số 20/TTr-HĐBTGPMB ngày 23/5/2023 (kèm theo Biên bản họp Hội đồng ngày 23/5/2023 thông qua Phương án tái định cư chi tiết (Đợt 02)).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án tái định cư chi tiết (Đợt 02), tái định cư cho các hộ gia đình bị thu hồi đất ở để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, với các nội dung như sau:

1. Tổng số hộ gia đình, cá nhân được giao đất tái định cư và tổng số tiền sử dụng đất tái định cư mà các hộ phải nộp:

a) Tổng số diện tích đất ở được giao tái định cư trong đợt này cho 44 hộ là 6.752,5 m²/51 lô đất tái định cư.

b) Tổng giá trị tiền sử dụng đất tái định cư mà các hộ phải nộp: **32.621.240.000** đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục kèm theo Quyết định này)

2. Nội dung chi tiết: Theo phương án tái định cư chi tiết (Đợt 02) kèm theo Tờ trình số 20/TTr-HĐBTGPMB ngày 23/5/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng công trình Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và tổ chức, hộ gia đình có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCTTT Ng. Tuấn Thanh;
- PVPNN;
- Lưu: VT, K10, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC:
BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TẠI ĐỊNH CƯ VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI ĐỊNH CƯ PHẢI NỘP
CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ THIẾT HẠI DO GPMB (ĐỢT 02)

Dự án: Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân,
xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Diện tích đất ở bồi thường (m ²)	Thuộc nhóm	Lô đất tái định cư và tiền sử dụng đất phải nộp												
					Ký hiệu lô đất	Khu	Đường, lộ giới (m)	Tiếp giáp đường	Diện tích lô đất (m ²)	Địa điểm tái định cư	Diện tích thu tiền (m ²)		Đơn giá nộp tiền sử dụng đất		Hệ số	Giá trị tiền sử dụng đất hộ thực nộp (chưa tính các khoản lệ phí)	Tổng cộng
											Theo giá đất cụ thể	Theo giá đất thị trường	Giá đất cụ thể	Giá đất thị trường			
a	b	c	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=7-9	11	12	13	14={ (9*11)+(10*12) }*13	15 = 14
I	Hộ được phê duyệt tại Quyết định số 3933/QĐ-UBND ngày 25/11/2022																
1	Trần Văn Thừa (chết); Con Trần Văn Hạnh (kê khai)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	198,1	A-3	31	TDC3A	18	DS5	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	896.000.000	896.000.000
2	Mai Văn Y (Em: Mai Thị Thiên Nga)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	253,2	A-5	27	TDC5A	14	DS6	200,0	Khu TĐC Diêm Vân	200,0	0,00	4.500.000	10.000.000	1,0	900.000.000	900.000.000
3	Trần Văn Đợi (Vợ: Nguyễn Thị Tho)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	500,0	A-9	16	TDC12	14	DS7	175,0	Khu TĐC Diêm Vân	175,0	0,00	4.500.000	10.000.000	1,0	787.500.000	1.407.600.000
					32	TDC3A	18	DS11	97,5	Khu TĐC Diêm Vân	97,5	0,00	5.300.000	12.700.000	1,2	620.100.000	
4	Trần Văn Sĩ (Vợ: Nguyễn Thị Gái)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	103,4	B-2	9	TDC5B	18	DS5	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	560.000.000	560.000.000
5	Lê Ngọc Bình (Vợ: Lê Thị Định)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	114,5	B-2	28	TDC6B	18	DS5	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	560.000.000	560.000.000
6	Nguyễn Tấn Dân (Vợ: Nguyễn Thị Liên)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	129,2	B-2	4	TDC5B	18	DS5	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	560.000.000	560.000.000
7	Huỳnh Đình Hương	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	146,5	B-2	3	TDC5B	18	DS5	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	560.000.000	560.000.000
8	Nguyễn Văn Chánh (Vợ: Trần Thị Châu)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	185,0	B-3	21	TDC3A	18	DS5	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	896.000.000	896.000.000
9	Mai Văn Bảy (Vợ: Trương Thị Hồng Hạnh)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	185,9	B-3	3	TDC3A	14	DS4	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	608.000.000	608.000.000
10	Trần Thị Hoa (Chồng: Trần Việt Phương)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	186,0	B-3	5	TDC3A	14	DS4	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	608.000.000	608.000.000
11	Lê Ngọc Hùng (Vợ: Nguyễn Thị Chín)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	197,7	B-3	7	TDC3A	14	DS4	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	608.000.000	608.000.000
12	Trương Văn Giùm (Vợ: Nguyễn Thị Thu)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	215,2	B-4	11	TDC3B	14	DS4	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	608.000.000	608.000.000
13	Phan Văn Thành (Vợ: Nguyễn Thị Ca)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	217,5	B-4	1	TDC3B	14	DS4	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	608.000.000	608.000.000

TT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Diện tích đất ở bồi thường (m ²)	Thuộc nhóm	Lô đất tái định cư và tiền sử dụng đất phải nộp												
					Ký hiệu lô đất	Khu	Đường, lộ giới (m)	Tiếp giáp đường	Diện tích lô đất (m ²)	Địa điểm tái định cư	Diện tích thu tiền (m ²)		Đơn giá nộp tiền sử dụng đất		Hệ số	Giá trị tiền sử dụng đất hộ thực nộp (chưa tính các khoản lệ phí)	Tổng cộng
											Theo giá đất cụ thể	Theo giá đất thị trường	Giá đất cụ thể	Giá đất thị trường			
14	Ngô Văn Lòng (Vợ: Nguyễn Thị Thanh)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	223,9	B-4	23	TDC4B	14	DS6	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	4.500.000	10.000.000	1,0	720.000.000	720.000.000
15	Nguyễn Văn Lanh (Vợ: Mai Thị Đình)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	237,6	B-4	15	TDC3A	14	DS4	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	608.000.000	608.000.000
16	Trần Văn Phước (chết); Vợ: Nguyễn Thị Xíu	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	300,0	B-6	2	TDC5A	18	DS5	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	560.000.000	1.120.000.000
					3	TDC5A	18	DS5	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	560.000.000	
17	Huỳnh Văn Cu (Vợ: Huỳnh Thị Thu)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	59,4	C-1	23	OLK5	14	N2	90,0	Khu TĐC Quảng Vân	59,4	30,60	3.700.000	8.900.000	1,0	492.120.000	492.120.000
18	Nguyễn Văn Rìn (chết); Vợ: Trần Thị Minh (chết); Con: Nguyễn Văn Rễ (kê khai)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	80,1	C-1	11	OLK5	20	N1	90,0	Khu TĐC Quảng Vân	80,1	9,90	5.600.000	13.400.000	1,0	581.220.000	581.220.000
19	Ngô Thị Phương (Chồng: Nguyễn Minh Giai)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	89,5	C-1	14	OLK5	20	N1	90,0	Khu TĐC Quảng Vân	89,5	0,50	5.600.000	13.400.000	1,0	507.900.000	507.900.000
20	Ngô Văn Hiền (nhận chuyển nhượng Nguyễn Thanh Dũng)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	100,0	C-2	12	TDC6B	14	DS4	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	380.000.000	380.000.000
21	Phan Thị Lùn (Chồng: Phan Ngọc Tấn)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	167,4	C-3	25	TDC2	14	DS12	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	608.000.000	608.000.000
22	Trần Văn Hào (vợ: Huỳnh Thị Mỹ Chi)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	167,9	C-3	5	TDC3B	14	DS4	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	608.000.000	608.000.000
23	Nguyễn Thanh Nhi (chết); Con: Nguyễn Thanh Dũng	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	204,6	C-4	1	TDC4B	18	DS5	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	896.000.000	896.000.000
24	Lê Thanh Tuấn (Vợ: Lê Thị Thu Láng)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	205,0	C-4	29	TDC4B	14	DS6	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	4.500.000	10.000.000	1,0	720.000.000	720.000.000
25	Phan Văn Được (vợ: Lê Thị Bích Loan)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	243,1	C-4	27	TDC4B	14	DS6	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	4.500.000	10.000.000	1,0	720.000.000	720.000.000
26	Võ Xuân Vinh (nhận chuyển nhượng của Nguyễn Thị Hương)	P. Ngô Mỹ, Tp. Quy Nhơn	256,1	C-5	19	TDC6B	18	DS5	200,0	Khu TĐC Diêm Vân	200,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	1.120.000.000	1.120.000.000
27	Trần Văn Lắm (Vợ: Nguyễn Thị Hồng Thu)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	300,0	C-6	16	TDC08	18	DS5	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	560.000.000	1.120.000.000
					17	TDC08	18	DS5	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	560.000.000	

TT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Diện tích đất ở bồi thường (m ²)	Thuộc nhóm	Lô đất tái định cư và tiền sử dụng đất phải nộp												
					Ký hiệu lô đất	Khu	Đường, lộ giới (m)	Tiếp giáp đường	Diện tích lô đất (m ²)	Địa điểm tái định cư	Diện tích thu tiền (m ²)		Đơn giá nộp tiền sử dụng đất		Hệ số	Giá trị tiền sử dụng đất hộ thực nộp (chưa tính các khoản lệ phí)	Tổng cộng
											Theo giá đất cụ thể	Theo giá đất thị trường	Giá đất cụ thể	Giá đất thị trường			
28	Mai Xuân Cư (Vợ: Dương Thị Diễm)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	250,5	B-5	17	TDC6A	18	DS5	200,0	Khu TĐC Diêm Vân	200,0	0,0	5.600.000	13.400.000	1,0	1.120.000.000	1.120.000.000
II	Hộ được phê duyệt tại Quyết định số 4926/QĐ-UBND ngày 10/12/2021																
29	Lê Văn Chí (chết); Vợ Huỳnh Thị Hoa	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	138,8	B-2	5	TDC5B	18	DS5	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	560.000.000	560.000.000
30	Dương Ngọc Lài (Vợ: Đặng Thị Thơm Trâm)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	158,2	B-2	27	TDC6B	18	DS5	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	560.000.000	560.000.000
31	Lê Văn Lắng (Vợ: Dương Thị Sáu)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	162,8	B-3	23	TDC3A	18	DS5	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	896.000.000	896.000.000
32	Đỗ Thành Ư' (Vợ: Phan Thị Hiệp)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	193,1	B-3	9	TDC3A	14	DS4	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	608.000.000	608.000.000
33	Dương Văn Khoa (Vợ: Phan Thị Mạ)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	193,7	B-3	11	TDC3A	14	DS4	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	608.000.000	608.000.000
34	Dương Văn Thừa (Vợ: Văn Thị Mỹ Châu)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	226,9	B-4	29	TDC3B	18	DS5	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	896.000.000	896.000.000
35	Huỳnh Quang Trung (vợ: Phan Thị Thiều)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	160,9	C-3	23	TDC3B	18	DS5	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	896.000.000	896.000.000
36	Phạm Thị Bảy	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	174,5	C-3	7	TDC3B	14	DS4	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	608.000.000	608.000.000
37	Nguyễn Văn Mười (Vợ: Phan Thị Phụng)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	195,3	C-3	21	TDC3B	18	DS5	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	896.000.000	896.000.000
38	Lê Văn Trương (Vợ: Nguyễn Thị Mạnh)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	229,6	C-4	17	TDC4A	14	DS6	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	4.500.000	10.000.000	1,0	720.000.000	720.000.000
39	Mai Xuân Hùng (vợ: Nguyễn Thị Nhung)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	300,0	C-6	24	TDC08	14	DS6	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,00	4.500.000	10.000.000	1,0	450.000.000	900.000.000
					25	TDC08	14	DS6	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,00	4.500.000	10.000.000	1,0	450.000.000	
III	Hộ được phê duyệt tại Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 17/4/2023																

TT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Diện tích đất ở bình thường (m ²)	Thuộc nhóm	Lô đất tái định cư và tiền sử dụng đất phải nộp												
					Ký hiệu lô đất	Khu	Đường, lộ giới (m)	Tiếp giáp đường	Diện tích lô đất (m ²)	Địa điểm tái định cư	Diện tích thu tiền (m ²)		Đơn giá nộp tiền sử dụng đất		Hệ số	Giá trị tiền sử dụng đất hộ thực nộp (chưa tính các khoản lệ phí)	Tổng cộng
											Theo giá đất cụ thể	Theo giá đất thị trường	Giá đất cụ thể	Giá đất thị trường			
40	Mai Xuân Hùng	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	149,7	B-2	6	TDC5B	18	DS5	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,0	5.600.000	13.400.000	1,0	560.000.000	560.000.000
41	Phan Văn Hà (Vợ: Trần Thị Thu Hà)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	300,0	B-6	16	TDC5A	14	DS6	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,0	4.500.000	10.000.000	1,0	450.000.000	900.000.000
					17	TDC5A	14	DS6	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,0	4.500.000	10.000.000	1,0	450.000.000	
42	Phan Văn Cây (chết); Vợ: Nguyễn Thị Hoa	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	300,0	B-6	24	TDC5A	14	DS6	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,0	4.500.000	10.000.000	1,0	450.000.000	900.000.000
					25	TDC5A	14	DS6	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,0	4.500.000	10.000.000	1,0	450.000.000	
43	Trần Văn Toàn (nhận chuyển nhượng của Nguyễn Văn Bốn)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	55,5	C-1	24	OLK5	14	N2	90,0	Khu TĐC Quảng Vân	55,5	34,5	3.700.000	8.900.000	1,0	512.400.000	512.400.000
44	Phan Văn Hải (vợ: Trần Thị Lệ)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	300,0	C-6	26	TDC08	14	DS6	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,0	4.500.000	10.000.000	1,0	450.000.000	900.000.000
					27	TDC08	14	DS6	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,0	4.500.000	10.000.000	1,0	450.000.000	
	Tổng cộng		8.756,3						6.752,5		6.677,0	75,5				32.621.240.000	32.621.240.000